

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Nguyễn Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 539/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2019, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000, chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt

Nam, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2000 tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả, và cũng từ năm 2015 đến nay, chị và anh H đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về việc nuôi con: Chị xác nhận giữa chị và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Vân A, sinh ngày 11/11/2001 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 04/8/2011. Hiện con Nguyễn Vân A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Tuấn H1. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt, không có lý do nên không lấy được lời khai của anh Hợp và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình chị N: Về quan hệ hôn nhân, thể hiện: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống và cũng từ năm 2015 cho đến nay chị N và anh H đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế; về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Vân A, sinh ngày 11/11/2001 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 04/8/2011. Hiện con Nguyễn Vân A đã trưởng thành. Khi ly hôn Tòa án nên giao con Nguyễn Tuấn H1 cho chị N nuôi; về tài sản chung: Địa phương không nắm được nên không có ý kiến.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Vân A, sinh ngày 11/11/2001 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 04/8/2011. Hiện con Nguyễn Vân A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Tuấn H1. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có quan điểm: Mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H; về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Vân A, sinh ngày 11/11/2001 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 04/8/2011. Hiện con Nguyễn Vân A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con Nguyễn Tuấn H1 cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:
- + Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H được xác lập từ ngày 29 tháng 12 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình kết hôn chị N và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cũng từ năm 2015 cho đến nay hai người đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[5] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Vân A, sinh ngày 11/11/2001 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 04/8/2011. Con Nguyễn Vân A đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét: Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cho các con, nên giao con Nguyễn Tuấn H1 cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 04/8/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006223 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường M, quận N, thành phố H (CNKH ngày 29/12/2000);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (CNKH ngày 29/12/2000);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (CNKH ngày 24/11/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

